

Số: 759 - 2024/CV/FPTS-FAD

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Chứng khoán FPT
- Mã chứng khoán: FTS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52, Đường Lạc Long Quân, P.Bưởi, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 1900 6446
- Fax: (0243)773 9058
- Người thực hiện công bố thông tin: Trịnh Thanh Hằng

Chức vụ: Chánh Văn phòng.

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (\*):

**Toàn văn Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và Công văn giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 09/08/2024 tại đường dẫn: <http://www.fpts.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 đã kiểm toán;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán;
- CV số 748 - 2024/CV/FPTS-FAF Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
*Trịnh Thanh Hằng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

---

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**  
**TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2024**



**Được kiểm toán bởi:**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM  
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

## NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05
Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán:	
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024	06
- Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024	07 – 18





# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024.

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK- GP ngày 13 tháng 7 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 90/UBCK-GPĐCCTCK ngày 04 tháng 12 năm 2007; Giấy phép điều chỉnh số 127/UBCK-GP ngày 09 tháng 5 năm 2008; Giấy phép điều chỉnh số 26/UBCK-GP ngày 13 tháng 4 năm 2011; Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 6 năm 2012; Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 23 tháng 6 năm 2015; Giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2016; Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 1 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2017; Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 6 năm 2018; Giấy phép điều chỉnh số 34/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 6 năm 2019; Giấy phép điều chỉnh số 38/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 7 năm 2020; Giấy phép điều chỉnh số 36/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 6 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 69/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 72/GPĐC-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2021; Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 9 năm 2022; Giấy phép điều chỉnh số 50/GPĐC-UBCK ngày 20 tháng 6 năm 2023; Giấy phép điều chỉnh số 47/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 6 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 10 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:** Chứng Khoán.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:**

- Môi giới chứng khoán
- Hoạt động tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- Lưu ký và quản lý cổ đông.

**Trụ sở chính tại Hà Nội:** Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội.

**Công ty có hai chi nhánh:**

- **Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh:** Tầng 3, tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Chi nhánh Đà Nẵng:** Số 100 Quang Trung, Phường Thạch Thang, TP. Đà Nẵng.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy Ban kiểm toán**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Kenji Nakanishi	Thành viên
Ông Nguyễn Điệp Tùng	Thành viên
Ông Đỗ Sơn Giang	Thành viên
Ông Trần Thanh Tùng	Thành viên

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:**

Ông Nguyễn Điệp Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Số 52, Đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội.

## Các thành viên của Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Trần Thanh Tùng                      Chủ tịch  
Ông Đỗ Sơn Giang                      Thành viên

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng làm công tác kiểm toán cho Công ty.

## Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024 phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng số liệu được thể hiện trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2024 phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, phù hợp với các quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Dũng**



Số: 6.14/BCKT/TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024  
của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT***Kính gửi: - Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT  
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty Cổ Phần Chứng Khoán FPT được lập ngày 29 tháng 07 năm 2024 từ trang 6 đến trang 18 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán khác có liên quan. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT, phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 8 năm 2024

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính  
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)****Đình Thế Đường**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2023-142-1

**Kiểm toán viên****Chu Thế Bình**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2023-142-1



Công ty CP Chứng Khoán FPT

V/v: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----/-----

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại thời điểm: 30/06/2024

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng lớn đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật tới kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

**Kế toán trưởng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Thị Thu Hương**

**Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Mai Thị Thu Thảo**

**Phó Tổng Giám đốc**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Nguyễn Văn Dũng**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2024

**I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>			
1	Vốn góp chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	3.059.193.660.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	82.748.150		
3	Cổ phiếu quỹ			
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn			
5	Vốn khác của chủ sở hữu			
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý			
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)			
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ			
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
10	Lợi nhuận chưa phân phối	818.500.719.740		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	11.048.561.176		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định			
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			
15	Toàn phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		5.003.656	447.163.616.022
16	Vốn khác ( nếu có )			
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>	<b>3.888.825.689.066</b>	<b>5.003.656</b>	<b>447.163.616.022</b>
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ( FVTPL )			



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2024

2	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ( HTM )			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ( AFS )			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			
7	Các khoản phải thu ( Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
10	Phải thu dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
11	Phải thu nội bộ			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			

011729-  
CÔNG TY  
TNHH  
H VU TU VÀ  
HINH KẾ T  
KIỂM TOÁN  
PHI NAM  
T.P. HỒ C

3.P.01  
CÔNG  
CỔ P  
CHỨNG  
FPT  
TÂY HỒ -

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2024

	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
12	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
13	Các khoản phải thu khác			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.794.383.336</b>	
1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ		905.480.902	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.797.436.120	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		90.800.000	
5	Thuế GTGT được khấu trừ		666.314	
6	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
7	Tài sản ngắn hạn khác			
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>		<b>3.794.383.336</b>	
<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>			
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
2.2	Đầu tư vào công ty con			
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2024

2.4	Đầu tư dài hạn khác			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>148.545.216.391</b>	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		<b>610.288.560</b>	
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>27.814.087.861</b>	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.221.270.570	
2	Chi phí trả trước dài hạn		6.592.817.291	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		20.000.000.000	
5	Tài sản dài hạn khác			
<b>VI</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại BCTC năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại điều 5			
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>		<b>176.969.592.812</b>	
<b>D</b>	<b>Tài khoản ký quỹ đảm bảo</b>		<b>10.043.620.759</b>	
1	Giá trị ký quỹ		10.043.620.759	
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		10.043.620.759	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ			
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày			
<b>1D</b>	<b>Tổng</b>		<b>10.043.620.759</b>	
<b>VỐN KHẢ DỤNG=(1A-1B-1C-1D)</b>				<b>4.145.176.704.525</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2024

### II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

<b>A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				
1	Tiền mặt (VNĐ)	0%	47.354.626	
2	Các khoản tương đương tiền	0%	693.441.643.836	
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%		
<b>II. Trái phiếu chính phủ</b>				<b>14.932.680.000</b>
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu chính phủ trả lãi suất cố định	0%		
5.1	Trái phiếu chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB, và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương	3%	497.756.000.000	14.932.680.000
<b>III. Trái phiếu tổ chức tín dụng</b>				<b>18.000.000.000</b>
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2024

	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	120.000.000.000	18.000.000.000
<b>IV. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				
<b>Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết</b>				
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
<b>Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết</b>				
8	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2024

	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		
<b>IV. Cổ phiếu</b>				<b>47.166.444.382</b>
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	461.522.654.300	46.152.265.430
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	15.311.100	2.296.665
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống Upcom	20%	3.930.335	786.067
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch, cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	4.708.662	1.412.599
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	2.019.367.242	1.009.683.621
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>				
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%		
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>				



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2024

16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm soát soát xét theo quy định	30%		
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%		
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%		
19	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%		
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%		
<b>VII</b>	<b>Chứng khoán phái sinh</b>			
21	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%		
22	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%		
<b>VIII</b>	<b>Chứng khoán khác</b>			
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%		
24	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%		
25	Chứng quyền có đảm bảo niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%		
26	Chứng quyền có đảm bảo niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội	10%		
27	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp nhận toàn phần	100%		
28	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	100%		
29	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành			

50172  
CÔNG T  
TNHH  
H VU T  
CHÍNH K  
KIỂM T  
PHIA N  
TP HỒ

50172  
CÔNG T  
CỔ P  
CHỨNG  
FPT  
TÂY HỒ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2024

30	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)			
31	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền bảo đảm			

**IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)**

<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A=I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>	<b>80.099.124.382</b>
---	-----------------------

**B. RỦI RO THANH TOÁN**

Đơn vị tính: VND  
Giá trị rủi ro

Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 1)	69.047.730.549
Rủi ro quá thời hạn thanh toán (Thuyết minh 2)	11.266.584.416
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng giao dịch khác (Thuyết minh 3)	
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 4)	2.420.649.863
<b>Tổng giá trị rủi ro thanh toán</b>	<b>82.734.964.828</b>

**1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán**

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro ( VND )						Tổng giá trị rủi ro
		0,8%	3,2%	4,8%	6,0%	8%	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác				68.739.139.135	308.591.414	69.047.730.549
2	Cho vay tài sản tài chính/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
3	Vay tài sản tài chính/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
<b>Tổng rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							<b>69.047.730.549</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2024

Chi tiết hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được xác định như sau:

TT	Đối tác thanh toán cho công ty	Hệ số rủi ro thanh toán
1	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, Chính phủ và Ngân hàng Trung ương thuộc khối OECD; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0,0%
2	Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký chứng khoán và bù trừ chứng khoán Việt Nam	0,8%
3	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước thuộc khối OECD hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của Công ty	4,8%
5	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6	Các tổ chức và cá nhân khác	8%

### 2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

TT	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	0-15 ngày sau thời gian thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	138.500.000	22.160.000
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	368.932.000	118.058.240
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		
4	Từ 60 ngày trở đi	100%	11.126.366.176	11.126.366.176
	<b>Tổng rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>			<b>11.266.584.416</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2024

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng giao dịch khác				
TT	Chi tiết tới từng đối tượng	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	<p>Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này;</p> <p>Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (chi tiết từng đối tượng)</p> <p>Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (chi tiết tới từng đối tượng)</p>	100%		

3. Rủi ro tăng thêm				
	Chi tiết tới từng khoản cho vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Tiền gửi tiết kiệm tại TPB	0%	10.200.000.000	
2	Tiền gửi tiết kiệm tại Techcombank	10%	24.206.498.630	2.420.649.863
3	Tiền gửi tiết kiệm tại VPB	0%	21.132.640.505	
4	Tiền gửi tiết kiệm tại Việt Á Bank	0%	600.000.000	
5	Tiền gửi tiết kiệm tại VTB Nam Thăng Long	0%	12.600.000.000	
	<b>Tổng</b>			<b>2.420.649.863</b>

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)			(Đơn vị tính: VND)
	Chỉ tiêu	Giá trị	
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 6 năm 2024	521.674.586.936	
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí (Thuyết minh 1)	20.119.794.994	
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	501.554.791.942	
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	125.388.697.986	
V	20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán	60.000.000.000	
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})</b>			<b>125.388.697.986</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2024

### 1. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí

(Đơn vị tính: VND)

Chi phí khấu hao	20.093.566.178
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	27.030.000
Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	
Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	(801.184)
Chi phí lãi vay	
	<b>20.119.794.994</b>

### III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	80.099.124.382	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	82.734.964.828	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	125.388.697.986	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	288.222.787.196	
5	Vốn khả dụng	4.145.176.704.525	
6	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)	1438%	

Kế toán trưởng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thu Hương

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mai Thị Thu Thảo

Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2024

Phó Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Dũng